

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễn;

2. Ông Phạm Ngọc Túy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 đối với:

Bị cáo Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 10/01/1996 tại: Huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tiến Đ1 sinh năm 1975 và bà: Nguyễn Thị T2 sinh năm 1976; vợ, con: chưa có

Tiền sự: Không;

Tiền án: có 03 tiền án về tội về tội “*Trộm cắp tài sản*” đều do Tòa án nhân dân Huyện Q xử, cụ thể: Bản án số 60/2015/HSST ngày 30/6/2015 xử phạt 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2015, ngày 12/8/2015 chấp hành xong án phí; Bản án số 38/2017/HSST ngày 29/5/2017, xử phạt 01 năm 06 tháng tù chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2018, tháng 8/2018 chấp hành xong án phí+ sung quỹ Nhà nước; Bản án số 91/2019/HSST ngày 17/10/2019,

xử phạt 02 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/11/2021, tháng 8/2021 chấp hành xong án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/02/2022 đến ngày 02/3/2022 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Xuân T sinh năm 1981

Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện HH, tỉnh Thái Bình.

- Ông Nguyễn Tiến Đ1 sinh năm 1975

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và ông Đ1, vắng mặt chị N và anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Tiến Đ không có việc làm và thu nhập ổn định nên Đ đã nảy sinh ý định đột nhập vào Công ty trách nhiệm hữu hạn nhựa T3, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình (cách nhà Đ khoảng 200m) để trộm cắp tài sản. Khoảng 00 giờ ngày 22/02/2022, Đ đi bộ từ nhà ở Thôn T theo lối cánh đồng thôn TH đến khu vực công ty T3 thấy Công ty có tường bao phía Tây giáp cánh đồng Thôn T, xã H: cao 1,5 mét so với nền sân công ty, phía trên gắn hàng rào sắt có mũi nhọn cao 0,5 mét bức tường so với nền đất khu vực cánh đồng cao 1,9 mét (chưa tính hàng rào sắt phía trên). Tại vị trí cách mặt ruộng 50cm có 01 gờ tường, rộng 10cm. Đ bám đứng lên gờ tường, tay bám vào mép phía trên tường, trèo lên, bước qua hàng rào sắt rồi nhảy xuống sân, đi vào khu vực phía sau tòa nhà văn phòng, thấy cửa không khóa, liền mở cửa đi vào khu vực bếp và khu tầng một để tìm nhưng không thấy tài sản. Đ theo cầu thang lên tầng 2, thấy cửa phòng ngủ bên cạnh cầu thang (theo hướng từ dưới lên) khép hờ, liền mở cửa đi vào phòng. Qua ánh sáng điện bên ngoài chiếu vào cửa sổ, Đ nhìn thấy chị Nguyễn Thị N (là phiên dịch của công ty) đang nằm ngủ trên giường. Trên ghế sofa có 01 áo khoác, trên bàn làm việc có 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu Asus VivoBook và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo IdeaPad S340-13IML để chồng lên nhau trên mặt bàn. Đ dùng tay lấy 01 điện thoại Iphone 11 Promax, màu xám đen trong túi áo khoác rồi bỏ vào trong túi quần Đ đang mặc, tiếp đó, lấy 02 máy tính giấu trong áo khoác rồi đi bộ xuống tầng 1, đến khu vực tường bao theo lối cũ, đặt 02 chiếc máy tính lên bờ tường, bám tay vào mép tường, trèo lên, bước qua hàng rào sắt nhảy xuống khu vực cánh đồng, ra ngoài công ty. Sau đó, Đ mang theo các tài sản vừa trộm cắp được đến khu vực thị trấn Quỳnh Côi để tìm nơi tiêu thụ nhưng không có cửa hàng nào mở cửa nên vào khu vực bến xe ngồi nghỉ đến khi trời sáng thì đi

xe khách xuống khu vực chợ H, xã G, huyện Q để tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 22/02/2022, Đ vào cửa hàng điện thoại T L ở chợ H, xã G do anh Nguyễn Xuân T làm chủ thì gặp chị Nguyễn Thị L1 là con gái anh T, rồi hỏi chị L1 có mua điện thoại không, rồi đưa chiếc điện thoại cho chị L1. Chị L1 cầm trên tay chiếc điện thoại rồi đi lên phòng ngủ gọi anh T ra gặp Đ. Anh T xem điện thoại thấy máy có cài đặt mật khẩu, không mở được. Anh T xuống quầy bán hàng bảo Đ nhập mật khẩu. Đ đáp “Điện thoại em nhất được từ lâu, không nhớ mật khẩu”. Anh T đồng ý mua chiếc điện thoại trên với giá 1.100.000 đồng. Tiếp đó Đ lấy trong áo khoác ra 02 chiếc máy tính xách tay trộm cắp được và hỏi anh T “Anh có mua nốt không, bao nhiêu cũng được”. Do không hiểu về máy tính và không có nhu cầu về máy tính nên anh T nói “không mua, lên Quỳnh Côi mà bán” nhưng Đ nói “Anh lấy nốt hộ em để em lấy tiền đi Miền Nam, hai chiếc máy tính này em mua từ lâu, bị hỏng nên bán rẻ 500.000 đồng” nên anh T đồng ý mua. Anh T lấy tổng số tiền 1.600.000 đồng đưa cho Đ, Đ nhận tiền, đi chơi game và chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS Ngày 28/02/2022 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q kết luận giá trị các tài sản như sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen xám là 12.333.333 đồng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus VivoBook 14, số model: A412, kích cỡ 14inch, màu bạc là 6.500.000 đồng và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo IdeaPad S340-13IML, số model: 81UM, màu bạc là 6.500.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản tại thời điểm trộm cắp là 25.333.333 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận bán tài sản trộm cắp cho anh Nguyễn Xuân T tổng số tiền 1.600.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra bị hại chị Nguyễn Thị N khai: Chị là phiên dịch của Công ty trách nhiệm hữu hạn T3. Sáng ngày 22/02/2022, chị phát hiện bị mất các tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen xám; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus VivoBook 14, 14inch, màu bạc và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo, màu bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại chị các tài sản đã bị trộm cắp trên nên về trách nhiệm dân sự chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người người làm chứng anh Nguyễn Xuân T khai: Sáng ngày 22/02/2022, anh có mua của bị cáo Nguyễn Tiến Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đen xám; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus VivoBook 14 và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo với tổng số tiền là 1.600.000 đồng. Anh không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Anh

đã tự nguyện giao nộp các tài sản này cho cơ quan điều tra, anh đã nhận lại số tiền mua tài sản trộm cắp của bị cáo Đ 1.600.000 đồng do ông Nguyễn Tiến Đ1 trả thay cho bị cáo Đ. Anh không có ý kiến gì về việc này.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Nguyễn Tiến Đ1 khai: Ông không biết về hành vi phạm tội của bị cáo. Ông đã trả cho anh Nguyễn Xuân T số tiền 1.600.000 đồng thay cho bị cáo. Ông không đề nghị HĐXX giải quyết về việc này.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSQP ngày 05/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Tiến Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Tiến Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về hình phạt: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với: xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/02/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: không đặt ra giải quyết; Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo đã đi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi

phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 22/02/2022, bị cáo Nguyễn Tiến Đ (đã 03 lần bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích) đã có hành vi trèo tường vào công ty trách nhiệm hữu hạn T3, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, để trộm cắp của chị Nguyễn Thị N các tài sản, gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Prmax màu xám đen (trong túi áo khoác của chị N) đang để ở ghế sofa giá trị 12.333.333 đồng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Asus VivoBook 14, số model: A412F, kích cỡ 14inch, màu bạc giá trị 6.500.000 đồng và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo IdeaPad S340 – 13IML, số modek: 81UM, màu bạc giá trị 6.500.000 đồng (02 máy tính chồng lên nhau và để ở bàn làm việc). Tổng giá trị các tài sản là 25.333.333 đồng, đem đến cửa hàng điện thoại T Là, tại chợ H, xã G, Huyện Q bán cho chủ cửa hàng là anh Nguyễn Xuân T được 1.600.000 đồng, mang chi tiêu hết số tiền này. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173.Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”,

Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu, bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo thực hiện hành vi một cách táo bạo, liều lĩnh, lợi dụng đêm tối, thời điểm chủ tài sản đã ngủ say, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp nhưng do đây là tình tiết định khung tội phạm nên không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Từ những nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản mà bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, anh Nguyễn Xuân T đã nhận lại số tiền mua tài sản trộm cắp của bị cáo và không còn yêu cầu gì, ông Nguyễn Tiến Đ1 bố đẻ bị cáo bỏ ra 1.600.000 đồng trả cho anh T, ông không yêu cầu về số tiền trên nên về trách nhiệm dân sự HĐXX không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chị Nguyễn Thị N các tài sản đã bị trộm cắp là phù hợp cần chấp nhận nên về vật chứng HĐXX không giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tiến Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 24/02/2022.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Tiến Đ phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã h, Huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)